

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁI NƯỚC
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 10 – 02 – 2022

“V/v Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI NƯỚC, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đệ

Các vị Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Tấn Liêm

Bà Nguyễn Bé Sáu

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Vui là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

Ngày 10 tháng 02 năm 2022 tại Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 281/2021/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2021. Về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 160/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Bào Thị B, sinh năm 1985 (Có mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp TT, xã TD, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau

- *Bị đơn:* Anh Phạm Văn T, sinh năm 1982 (Vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp ĐA, xã PH, huyện CN, tỉnh Cà Mau

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 21 – 5 – 2021 và tại phiên tòa nguyên đơn chị Bào Thị B trình bày:*

Về hôn nhân: Chị và anh Phạm Văn T kết hôn vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Duyệt, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau. Sau khi kết hôn được khoảng 01 tháng thì giữa chị và anh T phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cãi nhau nên chị đã lên tỉnh Bình Dương làm việc và ly thân với anh T cho đến nay. Xét thấy đời sống vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu ly hôn với anh Phạm Văn T.

Về con chung: Trong quá trình chung sống giữa chị và anh T không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị và anh T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh Phạm Văn T, Tòa án đã tổng đạt thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và triệu tập anh T để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng anh T vắng mặt không lý do.

TÒA ÁN NHẬN ĐỊNH:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa chị Bào Thị B và anh Phạm Văn T là tranh chấp Hôn nhân và gia đình về việc Ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Phạm Văn T có địa chỉ tại Ấp ĐA, xã PH, huyện CN, tỉnh Cà Mau. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Cái Nước thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án đã triệu tập anh Phạm Văn T hợp lệ để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng anh T vắng mặt không lý do. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Cái Nước xét xử vắng mặt đối với anh T theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Bào Thị B và anh Phạm Văn T kết hôn vào năm 2012 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Duyệt, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau theo Giấy chứng nhận kết hôn số 70 ngày 04/7/2012. Do đó, hôn nhân của chị B và anh T là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn của chị B và anh T thực sự có xảy ra trong thời gian dài nhưng không thể hàn gắn được, chị B và anh T đã sống ly thân với nhau từ năm 2012 cho đến nay. Do hôn nhân không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị B yêu cầu ly hôn với anh T. Anh T đã được Tòa án thông báo về việc chị B yêu cầu ly hôn nhưng anh T không đến Tòa án để tham gia phiên hòa giải, không tham gia phiên tòa và cũng không có ý kiến gì về yêu cầu xin ly hôn của chị B, cho thấy anh T không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng, mâu thuẫn giữa chị B và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu xin ly hôn của chị B đối với anh T là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị B xác định trong thời gian chung sống giữa chị và anh T không có con chung nên chị B không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung: Chị B xác định chị B và anh T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Chị B xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Đối với anh T vắng mặt tại phiên tòa, anh T không có ý kiến gì về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Nếu sau này giữa các bên đương sự có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung thì có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác theo quy định pháp luật.

[6] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị Bào Thị B phải chịu 300.000 đồng theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28; 35; 39; 147, 227, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 9, 53, 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Bào Thị B được ly hôn với anh Phạm Văn T.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Bào Thị B phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, đối trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006462 ngày 24/6/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Nước chị B nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Anh Phạm Văn T không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp Bản án (Quyết định) được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi

hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm chị Bào Thị B có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Phạm Văn T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND huyện Cái Nước;
- Chi cục THADS huyện Cái Nước;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- UBND xã Tân Duyệt, huyện Đầm Dơi;
- Đương sự;
- Lưu VP-HS.

Nguyễn Văn Đệ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Mầm

Lê Thanh Phong

Nguyễn Văn Đệ